

PHỤ LỤC 1

QUY CHẾ XÉT CHỌN DANH HIỆU THƯƠNG HIỆU VÀNG NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2 (2026 – 2030)

Nhóm 1: Nhóm sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp

- Sản phẩm trồng trọt (lúa gạo, rau, củ, quả, cây ăn quả...)
- Sản phẩm chăn nuôi (thịt, trứng, sữa, mật ong...)
- Cây công nghiệp, cây dược liệu
- Gỗ và sản phẩm từ gỗ
- Tre, nứa, luồng và lâm sản ngoài gỗ
- Dược liệu, đặc sản từ rừng
- Thủy sản nuôi trồng (cá, tôm, cua...)
- Thủy sản khai thác
- Rong biển và các sản phẩm thủy sản khác
- Muối thô, muối tinh
- Muối i-ốt, muối sạch
- Sản phẩm chế biến từ muối

Nhóm 2: Nhóm sản phẩm nông nghiệp chế biến

- Nông sản chế biến từ trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm sản
- Thực phẩm chế biến sâu từ nông sản
- Sản phẩm thủ công mỹ nghệ

Nhóm 3: Nhóm vật tư, dịch vụ phục vụ nông nghiệp

- Vật tư ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản...
- Thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp
- Dịch vụ hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ nông sản